

Bản án số: 02/2022/DS-PT

Ngày: 13-4-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Ngân, Ông Hồ Đức Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLPT-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-PT ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 10/TB-TA, ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc C; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh H.

(Ông Nguyễn Văn T - vắng mặt; bà Nguyễn Thị Ngọc C - vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh H (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần V; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh H (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần V: Bà Trần Thị X; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh H (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trần Viện: Bà Trịnh Diệu O - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị T; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh H (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T: Bà Trần Thị X; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh H (có mặt).

3.2. UBND huyện Đ, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn S, chức vụ: Chuyên viên phòng TNMT huyện (có mặt).

3.3. UBND xã T, huyện Đ, tỉnh H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã (có mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Văn D; địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt).

- Bà Trần Thị L; sinh năm: 1957; địa chỉ: Thôn Tân L, xã C, thị xã P, tỉnh Bà (vắng mặt).

- Bà Trần Thị T; sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh H (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Năm 1992, ông Nguyễn Văn T mua của bà Nguyễn Thị H (tên thường gọi là bà H) ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà một thửa đất với giá 150.000 đồng, việc mua bán có giấy tờ viết tay. Ranh giới thửa đất tiếp giáp với đất gia đình bà Bùi Thị L, ông Nguyễn Văn C và ông Trần V. Trên thửa đất này có một con ngõ đi ngang qua (Khi ông T mua thửa đất của bà H đã có ngõ rồi). Năm 1995 ông Nguyễn Văn T kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc C; năm 1996 ông T, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số H197093 nhưng không ghi ngày tháng năm cấp mà chỉ thể hiện thửa đất số 122, tờ bản đồ số 4, diện tích đất ở 300m², đất vườn 70m² tại Thôn 4 Hợp tác xã T, xã Đ (nay là thôn Đ, xã T), huyện Đ, tỉnh H. Trước khi bán đất cho ông T, bà H cho bà Bùi Thị L mượn đất để mở ngõ đi, gia đình ông Trần V cũng đi chung trên con ngõ mà bà L đã mượn đất của bà Hà. Sau khi mua đất của bà H, ông T bà C đã trao đổi với bà L nhưng bà L không đồng ý trả đất, đến ngày 20/10/2020 ông Trần Quốc S (chồng bà L) mới viết đơn trả đất cho ông T bà C và họ mở ngõ khác đi, còn đối với ông Trần V thì ông T bà C đã nhiều lần trao đổi về việc trả đất nhưng ông Trần V không đồng ý mà cho rằng diện tích đất đó là của cha ông Trần V để lại. Nay ông T bà C muốn sử dụng phần đất này để xây dựng nhà ở nhưng ông Trần V có hành vi cản trở. Nay ông T bà C yêu cầu Tòa án buộc ông Trần V trả lại diện tích đất làm ngõ đi cho với chiều dài 40m, chiều rộng 2,5m, diện tích 100m².

Bị đơn ông Trần V trình bày:

Ông Trần V cùng vợ và các con đã định cư làm ăn sinh sống trước những năm 1980 trên mảnh vườn có diện tích 1.894m² đất thừa kế của cha mẹ để lại. Quá trình sinh sống cho đến nay gần 50 năm rất vô sự bình yên. Con ngõ của 4 hộ gia đình đang đi có từ năm 1980 nhưng chỉ là lối mòn nhỏ rộng 1,5m. Sau đó gia đình ông V và các hộ xung quanh phát quang hết toàn bộ tre, dứa rộng thêm để đi lại cho rộng hơn. Đến năm 2016 gia đình ông Nguyễn Văn T viết đơn kiện gia đình ông V lấn chiếm đất của ông Thất làm đường đi là hoàn toàn vô lý vì năm 1992 khi ông T mua mảnh đất đó thì con ngõ đã có từ lâu.

Ngoài ra bà Trần Thị X là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến vào năm 1979, UBND xã quy hoạch trạm và sân vận động gia đình bố mẹ bà Xuân mới tôn tạo ngõ đi lại, phần đất ngõ đi lại không phải của ông T, ông S. Việc ông S viết đơn trả đất cho ông T là không có sự thật vì đó không phải đất của bà H mà đơn trả đất đó là tự phát bẻ phái của ông T, ông S. Ông T mua mảnh đất đó năm 1992 không thông qua UBND xã. Khi ông T mua đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2015 ông T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị thiếu đất nên ông Thất mới làm đơn và hợp đồng với ông S là ngõ đi ông S mượn của bà H, gia đình ông S không đi nữa trả đất để ông T mở rộng diện tích. Nay ông T bà C khởi kiện yêu cầu gia đình bố mẹ bà X trả đất bà không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T là ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Năm 1980, chính quyền địa phương tiến hành đo vẽ bản đồ 299/TTg thì có xác định thửa đất 122 tờ bản đồ số 4 tại thôn 5 xã Đức L (cũ) nhưng không xác định chủ sử dụng hợp pháp là ai. Trên thực tế gia đình bà Nguyễn Thị H sử dụng đến năm 1992 bán cho ông Nguyễn Văn T mà không làm thủ tục kê khai, không có tài liệu nào lưu trữ ghi nhận thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà Hà và gia đình cũng chưa được cấp GCNQSD đất hợp pháp.

Năm 1996 gia đình Ông Nguyễn Văn T được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 122, tờ bản đồ số 04, diện tích 370m² (trong đó 300m² đất ở, 70m² đất vườn) tại thôn 4 Hợp tác xã Thống N xã Đ (nay là thôn Đ, xã T), huyện Đ, tỉnh H nhưng thực tế vị trí thửa đất ở thôn 5 (nay là thôn T, xã T); trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không ghi ngày, tháng, năm; theo bản đồ 299/TTg thể hiện thửa đất số 122, tờ bản đồ số 4, diện tích 310m². Theo kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Hương S – Đ, nay là thửa đất số 4, tờ bản đồ số 23 (bản đồ trước khi sáp nhập xã), diện tích 258,5m². Tại trích lục thửa đất theo bản đồ kỹ thuật số thửa đất 122 (Nay thửa 4) có diện tích 262,4m². Từ khi được cấp GCNQSD đất đến nay gia đình chưa cấp đổi GCNQSD đất theo kết quả đo đạc mới.

Đối với gia đình ông Trần V được UBND huyện Đ cấp GCN QSD đất số H260205 mang tên ông Trần V, cấp ngày 30/11/1995, tại Thôn 5 HTX Thống Nh xã Đ (nay là thôn T, xã T), huyện Đ, tỉnh H với tổng diện tích 5191m² (gồm đất ở, đất vườn, đất 2 lúa, đất mạ...) trong đó có thửa đất số 126, tờ bản đồ số 04, diện tích 1942m² gồm 300m² đất ở, 1642m² đất vườn. Đối chiếu với bản đồ

299/TTg là thửa đất số 126, tờ bản đồ số 4, diện tích 1942m² (Trong bản đồ 299/TTg không thể hiện đoạn đường đi lên đường TL28). Thực hiện chủ trương cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Trần V đã tiến hành kê khai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên và được UBND huyện Đức T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU412140 mang tên hộ ông Trần Viện và bà Phan Thị T tại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 20, diện tích: 1894,6m² gồm 300m² đất ở, 1594,6m² đất vườn. (Trong GCNQSD đất đã cấp có thể hiện tuyến đường ngõ xóm, đoạn đi lên đường TL28). Như vậy quá trình xét duyệt cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần V là đảm bảo quy trình.

Về việc hình thành con ngõ đang tranh chấp quyền sử dụng đất: Do nhu cầu đi lại của gia đình nên ông Trần Quốc S đã mở con ngõ để đi (đoạn ngõ đang tranh chấp). Con ngõ được hình thành khoảng từ năm 1980 đến 1981, quá trình sử dụng ông Trần V đã chặt cây Mít, một số cây bụi tại góc vườn ông Trần Công C để thông lên đường TL28. Sau đó, các hộ dân đã sử dụng con ngõ này như đường tắt để đi lấy nước sinh hoạt phía dưới cánh đồng, lúc đầu chỉ là con ngõ nhỏ sau đó gia đình ông Trần V sử dụng con ngõ này làm lối đi lại thông lên đường TL28 cho đến nay gia đình ông Trần V vẫn đang đi trên lối ngõ qua nhà ông Nguyễn Văn T nằm giữa ranh giới nhà ông Nguyễn Văn T và ông Trần Quốc S.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Đ là ông Võ Văn S trình bày:

Về nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn T: Việc mua bán đất giữa gia đình ông Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị H không có giấy tờ mua bán đất. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T không có lưu lập đầy đủ theo quy định. Sự chênh lệch diện tích đất trong khi cấp giấy của thửa đất số 122 cho gia đình ông Nguyễn Văn T UBND huyện không xác định được do hiện tại hồ sơ lưu trữ tại văn phòng đăng ký đất đai đang bị thất lạc. Sự chênh lệch diện tích đất sau khi đo đạc năm 2011 của gia đình ông Nguyễn Văn T là do trong quá trình đo đạc năm 2011 là xác định hiện trạng sử dụng đất nên đã trừ phần đường đi chung giữa hai gia đình. Quan điểm của UBND huyện đề nghị Tòa án kiểm tra cụ thể quá trình gia đình ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng đất khi đã có ngõ đi chung hay sau khi nhận chuyển nhượng mới phát sinh ngõ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Những người làm chứng gồm bà Trần Thị L, bà Trần Thị T thống nhất trình bày:

Năm 1992, bố mẹ các bà là ông Trần Văn G và bà Nguyễn Thị H (tên thường gọi là bà H) bán cho ông Nguyễn Văn T một miếng đất với diện tích 11 thước thuộc thửa đất số 122, tờ bản đồ 299 tại xã Đ (Nay xã T), huyện Đ, tỉnh H. Thửa đất có ranh giới phía Bắc giáp ông Trần Quốc S, phía Tây giáp đường TL28, phía Nam giáp ông Trần C, phía Đông giáp ông Trần V; mảnh đất đó không có ngõ đi qua. Nay bố mẹ các bà đã mất các bà không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 18-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 101, Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Khoản 1, 3 Điều 26, Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc C về việc buộc gia đình ông Trần V, bà Phan Thị T tháo dỡ các công trình xây dựng và trả lại diện tích đất 100m² tại thửa đất số 122, tờ bản đồ địa chính số 4, thuộc thôn 5 - Hợp tác xã T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H.

2. Kiến nghị UBND huyện Đ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H197073 đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ địa chính số 4, tại thôn 4 - Hợp tác xã Thống N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh đã cấp cho ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 20/12/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 18-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án về tranh quyền sử dụng đất và thụ lý giải quyết là đúng quy định về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất số 122, tờ bản đồ địa chính số 04 tại thôn Đ, xã T, huyện Đ thấy rằng:

Theo bản đồ 299/TTg thì thửa đất 122 tờ bản đồ số 4 tại thôn 5, xã Đ (cũ) nay là xã T không xác định chủ sử dụng hợp pháp là ai. Mặc dù trên thực tế gia đình bà Nguyễn Thị H sử dụng thửa đất này đến năm 1992 thì bán cho ông Nguyễn Văn T nhưng không có giấy tờ thể hiện việc mua bán. Hơn nữa, quá trình sử dụng đất bà Nguyễn Thị H cũng không làm thủ tục kê khai, không có tài liệu nào lưu trữ ghi nhận thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà H và gia đình bà cũng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất hợp pháp.

[2.2]. Đối với Giấy chứng nhận QSD đất số H19073 mang tên ông Nguyễn Văn T tại thôn 4 HTX T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H:

Việc cấp Giấy CNQSD đất số H19073 tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 4 cho ông Nguyễn Văn T có nhiều sai sót như: Giấy CNQSD đất không có số, ngày, tháng, năm cấp, không có số vào sổ cấp; tại sổ mục kê cũng không ghi căn cứ pháp lý vào sổ, không ký tên của chủ sở hữu. Diện tích đất được cấp trên giấy CNQSD đất là 370m² nhưng trên bản đồ 299 thì diện tích là 310m². Vị trí thửa đất được cấp tại thôn 4 HTX T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H nhưng diện tích đất đang tranh chấp lại nằm tại thôn 5 HTX T. Mặt khác, trong giấy CNQSD đất số H19073 có ghi “diện tích thửa đất sẽ được xác định lại khi đo đạc bản đồ địa chính”, điều này thể hiện đối với diện tích thửa đất tại thời điểm cấp giấy CNQSD đất chưa được xác định chính xác. Ngoài ra, việc ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị H (tên thường gọi là bà H) nhưng không có giấy tờ chuyển nhượng. Về hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của ông T, bà Ch không được lưu trữ tại UBND huyện Đ nên không có cơ sở để khẳng định lối đi đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T, bà C.

Mặt khác, về lịch sử hình thành ngõ đi mà các bên đang tranh chấp theo nguyên đơn và bị đơn trình bày là được hình thành trước khi ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị H. Lối khai của các nhân chứng cũng như chính quyền địa phương xác nhận con đường đang tranh chấp đã được các gia đình sử dụng ổn định từ năm 1980, lúc đầu là một lối đi nhỏ, quá trình sử dụng được mở rộng. Theo kết quả đo đạc để thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất năm 2011 của UBND xã T, huyện Đ đều thể hiện có ngõ đi chung của các hộ gia đình với diện tích 101,3m² và được các hộ liên kề sử dụng công khai, liên tục đến nay đã hơn 40 năm và không có ý kiến gì. Hơn nữa, phần diện tích đất là ngõ đi chung cũng nằm ngoài diện tích đất được cấp trong Giấy CNQSD đất cho ông T và bà C. Mặc dù, ông T bà Ch cho rằng trước khi bán đất cho ông T thì gia đình bà Nguyễn Thị H cho gia đình bà Bùi Thị L, ông Trần Đình S mượn đất làm ngõ đi lại (trong đó gia đình ông V cũng sử dụng để làm ngõ đi) và đến ngày 20/10/2020 ông Trần Đình S đã viết đơn trả đất cho ông T, bà C. Tuy nhiên, theo xác nhận của bà Trần Thị L, bà Trần Thị T (con bà Nguyễn Thị H) thì khi gia đình chuyển nhượng thửa đất cho ông T trên thửa đất không có ngõ đi. Như vậy, việc ông Trần Đình S viết đơn trả lại đất cho ông T bà C và lời khai các con bà Nguyễn Thị H có sự mâu thuẫn với nhau nên không đủ cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc C. Do đó, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H là phù hợp.

[3] Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 02/2021/DS-ST ngày 18-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H.

Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 101, Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Khoản 1, 3 Điều 26, Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc C về việc buộc gia đình ông Trần V, bà Phan Thị T tháo dỡ các công trình xây dựng và trả lại diện tích đất 100m² tại thửa đất số 122, tờ bản đồ địa chính số 4, thuộc Thôn 5, Hợp tác xã Th, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H.

2. Kiến nghị UBND huyện Đức T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H197073 đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ địa chính số 4, tại thôn 4 - Hợp tác xã Thống N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H đã cấp cho ông Nguyễn Văn T.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp 5.349.300 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí thẩm định giá tài sản. Ông T, bà C đã nộp đủ số tiền trên cho Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh H - Đ và Công ty cổ phần thẩm định giá và giám định Tiên Phong.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí DSST và 300.000 đồng án phí DSPT. Số tiền này ông T, bà C đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0006145 ngày 15/4/2021 và 0013014 ngày 29/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, THADS cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thương Huyền